TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-4-2018
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Mậu Đảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Văn Anh Trình;
2. Ông Nguyễn Văn Ba.

- ***Thư ký phiên toà*:** Bà Dương Thị Mỹ Lợi - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 06 tháng 4 năm 2018, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2017/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-DS, ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H,
Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T,
Địa chỉ: Thôn P, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân:

Trong nội dung Đơn xin ly hôn đề ngày 03 tháng 11 năm 2017, Bản tự khai, ý kiến trình bày tại phiên hòa giải, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị (H) và anh Phạm Văn T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D ngày 04 tháng 7 năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung cùng gia đình (bố, mẹ) anh T ở thôn P, xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T rượu chè, cờ bạc, đánh đập, bạo hành thể chất lẫn tinh thần, xúc phạm làm cho tình cảm vợ chồng không còn, không còn quan tâm đến nhau, tình trạng quan hệ vợ chồng căng thẳng, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không sống chung cùng nhau

được, không thể có cuộc sống chung hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn.

Tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải, bị đơn - anh Phạm Văn T trình bày: Về việc kết hôn và sinh sống, quá trình chung sống, anh T nhất trí như chị H trình bày, vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là do sơ suất trong lời nói, trong cuộc sống, anh T có lời nói xúc phạm đến chị H, Anh cũng đã nhận thấy mình sai nên mong muốn chị H bỏ qua để vợ chồng trở lại cùng nhau nuôi dạy con chung nên Anh không muốn ly hôn.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T đều thống nhất khai vợ chồng có 02 con chung tên là Phạm Tiến Đ, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2007 và Phạm Thị Bảo C, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2011. Chị Nguyễn Thị H có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con Phạm Tiến Đ và Phạm Thị Bảo C; yêu cầu anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con. Tại Bản tự khai, anh Phạm Văn T có nguyện vọng muốn được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai con, không yêu cầu chị H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên hòa giải, anh T trình bày ý kiến nếu ly hôn, anh đồng ý để chị H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cả hai con và về việc cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị H vì Anh đi làm ăn xa, không có điều kiện để trực tiếp nuôi con.

Các cháu Phạm Tiến Đ và Phạm Thị Bảo C đều có Đơn trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ ly hôn thì muốn được ở với mẹ để mẹ chăm sóc, vì bố luôn đi làm ăn xa.

Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T đều thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn; xin được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con là Phạm Tiến Đ và Phạm Thị Bảo C; yêu cầu anh Phạm Văn T đóng góp tiền nuôi con chung cho Chị là 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con. Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

Bị đơn: Anh Phạm Văn T trình bày ý kiến: Quan hệ vợ chồng giữa Anh và chị H tuy có sự va chạm, mâu thuẫn, lỗi chủ yếu do Anh gây ra, tuy nhiên vì thương con và thấy tình trạng quan hệ vợ chồng có thể cải thiện được, anh sẽ khắc phục những tồn tại, thiếu sót của bản thân để vợ chồng tiếp tục cuộc sống chung, cùng nhau xây dựng gia đình, nuôi dạy con cái nên không đồng ý ly hôn. Về việc nuôi con, nếu Tòa án xử ly hôn thì Anh nhất trí giao các con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng theo nguyện vọng của chị H vì Anh đi làm ăn không có điều kiện trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Về đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, Anh nhất trí theo yêu cầu của chị H, sẽ đóng góp cho chị H để nuôi con 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con. Về tài sản chung, Anh cũng nhất trí như ý kiến của chị H: Hai bên tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và thủ tục tố tụng:

- Đây là vụ án ly hôn (tranh chấp về hôn nhân và gia đình) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đều có nơi cư trú tại xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị H:

Đối với yêu cầu ly hôn: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện Q, tỉnh Quảng Bình ngày 04 tháng 7 năm 2006, là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Tình trạng quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T đã đến mức căng thẳng; tình cảm vợ chồng của chị H đối với anh T không còn. Tuy anh T chỉ thừa nhận có lời nói xúc phạm đến chị H, có sự va chạm giữa vợ chồng nhưng thừa nhận có mâu thuẫn, không phản đối ý kiến trình bày của chị H; lỗi chủ yếu do Anh gây ra và cho rằng tình trạng quan hệ vợ chồng có thể cải thiện được. Sau khi Tòa án tiến hành hòa giải, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn vì cho rằng thái độ đối xử của anh T đối với Chị đã từ lâu, anh T hứa mà không có sự thay đổi làm Chị mệt mỏi; tình trạng quan hệ vợ chồng không thể cải thiện được. Bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho mâu thuẫn căng thẳng kéo dài, quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, áp dụng Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình để xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T.

Đối với yêu cầu giải quyết việc nuôi con: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T có 2 con chưa thành niên. Ý kiến hai bên thống nhất giao con cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng và thống nhất mức cấp dưỡng nuôi con của anh T là 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con là phù hợp với quy định của pháp luật và thực tế điều kiện của mỗi bên cũng như nguyện vọng của các con của chị H, anh T. Vì vậy, áp dụng Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Tiến Đ và Phạm Thị Bảo C; mức cấp dưỡng nuôi con của anh T là 1.500.000 đồng/tháng cho mỗi con, cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Đương sự không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, anh T phải chịu án phí dân sự khoản tiền cấp dưỡng nuôi con

theo định kỳ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố trụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Áp dụng các điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình. Xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Phạm Tiến Đ, sinh ngày 31 tháng 01 năm 2007 và Phạm Thị Bảo C, sinh ngày 18 tháng 02 năm 2011. Anh Phạm Văn T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con là 1.500.000 đồng/tháng (một triệu năm trăm ngàn đồng/tháng) cho mỗi con, từ tháng 5 năm 2018 cho đến khi con trưởng thành; có nghĩa vụ, quyền khác của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Chị Nguyễn Thị H có nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung: Không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Áp dụng điểm a khoản 5; điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0001064 ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Quảng Bình; anh Phạm Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí tiền cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H.Q;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- UBND xã D;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Mậu Đảo